

CON ĐƯỜNG DU NHẬP VÀ MỘT SỐ HỆ PHÁI ĐẠO GIÁO Ở TRUNG BỘ

Nguyễn Đăng Hưu

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nguyendanghuu@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/01/2023; ngày hoàn thành phản biện: 10/01/2023; ngày duyệt đăng: 26/6/2023

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu con đường du nhập và dấu ấn một số hệ phái Đạo giáo Trung Hoa ở Trung Bộ. Với phương pháp phân tích định tính dựa trên nguồn thư tịch dân gian và tư liệu điền dã dân tộc học, bài viết cho thấy sự có mặt của các yếu tố Đạo giáo ở miền Trung là kết quả của tiến trình di dân, trao đổi mậu dịch và tiếp nhận các dòng tư tưởng của người Việt trong suốt diễn trình lịch sử. Dấu ấn của hai giáo phái Chính Nhất (正一道) và Toàn Chân (全真道) trong tín ngưỡng dân gian ở miền Trung Việt Nam cho thấy đặc điểm và phạm vi ảnh hưởng rộng rãi của cách hệ phái Đạo giáo. Đặc điểm biểu hiện trên phương diện tư tưởng và hệ thần linh cho chúng ta thấy rằng Trung Bộ là nơi gặp gỡ giữa các dòng Đạo giáo của nhóm di dân Việt từ Bắc bộ và dòng Đạo giáo của cộng đồng người Hoa. Cơ chế tiếp nhận các yếu tố Đạo giáo ở Trung Bộ nổi bật với tính gián tiếp, đó là sự tiếp nhận thông qua truyền thống Tam giáo của người Việt và qua con đường lan toả của tín ngưỡng dân gian vùng lưỡng Quảng và Phúc Kiến.

Từ khoá: Đạo giáo, miền Trung, các hệ phái Đạo giáo, truyền bá.

1. MỞ ĐẦU

Đạo giáo là tôn giáo được khởi phát từ Trung Hoa, ngay từ thời kỳ mới ra đời Đạo giáo đã nhanh chóng được truyền bá đến các nước trong khu vực. Tôn giáo này đã được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, trải qua quá trình lịch sử lâu dài Đạo giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, văn hoá và đời sống tôn giáo người Việt, bởi đặc tính tương đồng và sự gắn kết khăng khít với tín ngưỡng dân gian bản địa.

Dù không còn là một thực thể tôn giáo độc lập, Đạo giáo vẫn thu hút sự quan tâm của một số học giả ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và phương Tây. Hiện trạng nghiên cứu về Đạo giáo Việt Nam tập trung vào hai nhóm chủ đề chính: Nhóm thứ nhất, tập trung vào tư tưởng, lịch sử du nhập và phát triển của Đạo giáo, như *Bảo cáo nghiên cứu phương đạo Việt Nam* của Vương Khả (王卡, 1998), *Nghiên cứu Đạo giáo Đông Á*

(孙亦平-2014), *Nghiên cứu Đạo giáo Nam truyền Việt Nam thời Bắc thuộc* của Vũ Như Tùng (宇汝松, 2015), ... ; nhóm chủ đề thứ hai tập trung vào quá trình bản địa hóa và các biến thể địa phương của Đạo giáo Việt Nam, như *Thần người và đất Việt* của Tạ Chí Đại Trường (1989, 2006), *Đạo giáo với văn hoá Việt Nam* của Nguyễn Đăng Duy (2001), *Người Việt Nam với Đạo giáo* của Nguyễn Duy Hình (2003), *Nghiên cứu so sánh văn hoá bữa chú dân tộc Kinh Việt - Trung* của Vũ Hồng Thuật (2013)... Ngoài ra, một số nghiên cứu của các học giả phương Tây thời thuộc địa như Gustave Dumoutier, Georges Coulet, Leopold' Michel Cadierè... cũng đã gián tiếp cho thấy mối liên hệ giữa Đạo giáo Trung Hoa và Đạo giáo dân gian Việt Nam qua phong tục tập quán và thực hành tôn giáo, ma thuật của người bình dân.

Trong khuôn khổ bài viết, thông qua nguồn thư tịch dân gian và tư liệu điền dã ở các tỉnh Trung Bộ Việt Nam như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam..., nghiên cứu này sẽ tập trung giải quyết các vấn đề sau đây: (1) *Quá trình du nhập Đạo giáo vào miền Trung Việt Nam*; (2) *Tiếp thu và cộng sinh của Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian miền trung Việt Nam*.

2. CON ĐƯỜNG DU NHẬP CỦA ĐẠO GIÁO VÀO TRUNG BỘ

2.1 Đạo giáo có mặt ở vùng Trung Bộ như là kết quả của tiến trình di cư nội vùng và di cư liên vùng từ phía Bắc xuống phía Nam của người Việt

Đây là giai đoạn lan toả dân cư từ vùng trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng xuống miền Trung khai hoang, chiếm lĩnh các vùng ven biển và các vùng đất cận biên khác. Lịch sử phát triển các dòng họ ở miền Trung Việt Nam cho thấy trong số những nhóm di dân có cả những đạo sĩ Đạo giáo. Vị Thủy tổ dòng họ La vùng ở Nga Sơn - Thanh Hoá là một đạo sĩ Đạo giáo. *Nam ông mộng lục* (南翁夢錄) cho biết: đời Tống Nhân Tông (1022-1063) vị đạo sĩ này đã dẹp yên sóng lớn giúp quân đội vua Lý Thái Tông nước An Nam vượt qua cửa biển Thần Đầu (神投) để chinh phạt Chiêm Thành.¹ Lúc khải hoàn trở về, nhà vua phong cho ông là “Áp Lãng chân nhân” (壓浪真人), cũng từ đó “đạo sĩ đi hái thuốc không thấy ở am” (“道士自此採藥，久不在庵”). Do gắn với huyền tích pháp thuật Đạo giáo nên về sau cửa biển này được đổi tên thành Thần Phù (神符). Đây có thể là một trong những điểm tu đạo và thờ cúng các vị thần tiên Đạo giáo sớm ở Bắc Trung Bộ. Về sau nhiều thư tịch khác cũng ghi chép một số huyền tích Đạo giáo ở địa điểm này. *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* (天南四至路圖書) - một bộ bản đồ quân sự sớm nhất (1686) về miền Trung cũng đề cập: “Cửa Thần Phù, Từ

¹Đây là sự kiện đề cập đến cuộc chiến với Vương quốc Champa của vua Lý Thái Tông năm Giáp Thân (1044).

Thức đi chơi đến đây gặp tiên, nên có tên là cửa Tiên Hôn, phía phải bên cửa có động Từ Thức, cả hai nơi đều rất thanh tịnh sâu kín, con cò của tiên và bàn cờ đá đều có đủ” (神符門徐式遊此遇仙名仙婚門, 門邊有徐式崗, 二处最清邃, 仙碁石枰等物皆具) [12, tr.27]. Như vậy, rõ ràng Đạo giáo đã lan toả song hành cùng với tiến trình di dân khẩn hoang. Đạo sĩ và tín đồ Đạo giáo có thể là thành phần quan trọng trong lớp cư dân Nam tiến, tạo tiền đề phát triển cho Đạo giáo ở miền Trung Việt Nam các thời kỳ về sau.

2.2 Đạo giáo có mặt ở Trung Bộ do tiếp nhận các dòng nhập cư của người Hoa

Chúng tôi cho rằng, với cộng đồng này, Đạo giáo được truyền bá theo ba con đường: 1) Theo cộng đồng người Hoa vốn đã định cư trước đó ở Bắc bộ và địa đầu Bắc Trung Bộ tiến xuống phía Nam khẩn hoang làng xã. 2) Theo tuyến đường mậu dịch ven biển, dọc các thương cảng và kinh đô, dinh trấn ở miền Trung. 3) Theo con đường ty nạn chính trị thời Minh, Thanh đến định cư ở Trung Bộ.

Miền Trung Việt Nam, đặc biệt ở các tỉnh cực bắc vốn đã có dấu ấn cư trú của người Hoa từ rất sớm. Chẳng hạn, ngay từ thời Hậu Hán (947 - 950) các nhóm di dân họ Hồ từ Chiết Giang đã nhập cư vào Trung Bộ lập nên trang ấp ở Bào Đột (Quỳnh Lưu, Nghệ An), người đứng đầu là Hồ Hưng Dật, sau trở thành vị thủy tổ họ Hồ ở Việt Nam [13, tr.47]. Trong những cộng đồng người Hoa nhập cư sớm có một bộ phận tiếp tục Nam tiến tìm nơi buôn bán thích hợp hoặc khai khẩn lập làng xã định cư. Họ ngoài thương nhân còn có quan binh, thợ thủ công, thầy thuốc và cả đạo sĩ Đạo giáo. Tư liệu Hán Nôm ở làng Phù Bài (Thừa Thiên Huế) cho biết vị thần Thành Hoàng làng của họ là một đạo sĩ gốc Hoa tên Ngô Thù (1502 - 1592) đã theo Nguyễn Hoàng vào vùng Thuận Hoá. Đi theo ông vào Nam là một cộng đồng người Hoa từng định cư ở vùng Hoan Ái, họ đến vùng sơn phận của làng Phù Bài (Thừa Thiên Huế) khai hoang lập làng, tìm kiếm nguồn quặng để sản xuất sắt. Vị đạo sĩ này lấy tên hai pháp khí quan trọng của Đạo giáo phù lục là: (符) Phù chú và (牌) lệnh bài để đặt tên cho ngôi làng của mình lập ra. Gia phả dòng họ Ngô làng Lang Xá và Phù Bài (Thừa Thiên Huế) còn cho biết tổ tiên của đạo sĩ Ngô Thù vốn quê gốc ở quận Bột Hải (渤海) tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc cũng là đạo sĩ ở ty Đào Kỳ dưới thời Minh Thành Tổ Chu Đệ (明成祖朱棣) đã phụng mệnh khâm sai sang Việt Nam truyền bá Đạo giáo. Ông là người có tài kỳ môn độn giáp, pháp thuật thần thông, tài năng hoán bố lục thao. Ông trở thành vị thần Thành Hoàng làng, được sắc phong liên tục từ triều Hậu Lê đến triều Nguyễn.

2.3 Đạo giáo Trung Hoa còn được truyền bá vào Trung Bộ thông qua tuyến đường mậu dịch và ty nạn chính trị của người Hoa trên địa bàn Trung Bộ

Thế kỷ XVI - XVIII đánh dấu một giai đoạn thương mại Trung - Việt cực thịnh ở Trung Bộ. Kinh đô Thuận Hoá, dinh trấn Quảng Nam hay các thương cảng Thanh

Hà, Bao Vinh, Hội An, Thị Nại là nơi tập trung buôn bán của cộng đồng người Hoa. Theo con đường này, Đạo giáo được du nhập trực tiếp qua thương nhân đến từ Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Triều Châu, Hải Nam.... Con đường truyền bá này khiến Đạo giáo được du nhập vào Trung Bộ là thứ Đạo giáo dân gian đã hoà quyện với tín ngưỡng của nhóm Hoa thương bình dân ở vùng Mân, Đài, Lưỡng Quảng...

Ngoài con đường mậu dịch, Đạo giáo còn được du nhập vào Trung Bộ theo con đường ty nạn chính trị thời Minh Thanh. Trung Bộ là một trong những điểm đến của dòng di dân người Hoa toả ra khắp vùng Đông Nam Á, đặc biệt sau biến cố chính trị thời Minh-Thanh. Những di thần, di nhân nhà Minh đến Trung Bộ ty nạn, cùng lớp thương nhân đã tạo nên cộng đồng người đông đảo ở miền Trung Việt Nam, nhiều nhất là vùng Thuận Hoá, Quảng Nam. Nghiên cứu của Nguyễn Phước Tương cho biết trong các nhóm di dân ty nạn chính trị “có cả thầy phong thủy”[10, tr.153]. Chẳng hạn, nhóm dân từ vùng Phúc Kiến và Triều Châu di tán vào Quảng Nam vào giữa thế kỷ XVI do một di thần nhà Minh là Khổng Thiên Như dẫn đầu là một ví dụ. Không có nhiều tư liệu, kinh sách hay Đạo quán Đạo giáo chính tông do nhóm này lập nên ở Trung Bộ. Tuy nhiên, qua các thiết chế như hội quán, cung, đường, miếu thờ ở các khu mậu dịch của người Minh Hương, Hoa kiều thì dấu ấn Đạo giáo dân gian khá rõ. Các cơ sở thờ cúng thần linh Đạo giáo như Bắc Đế Trấn Vũ, Quan Thánh Đế Quân, Văn Xương Đế Quân, Tây Cung Vương Mẫu, Bảo Sanh Đại Đế... khá dày đặc ở Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Sự xuất hiện phổ biến đó cho chúng ta một giả thuyết rằng lớp thần linh Đạo giáo có thể đã được tích hợp trong tín ngưỡng dân gian người Hoa trước khi nó được truyền bá vào Trung Bộ.

3. MỘT SỐ HỆ PHÁI ĐẠO GIÁO Ở TRUNG BỘ

Lịch sử phát triển của Đạo giáo Việt Nam để lại dấu ấn rõ nét của hai trường phái Đạo giáo thần tiên và Đạo giáo Phù lục. *Đạo giáo thần tiên* chủ trương tu tánh, tập trung vào vấn đề đạt Đạo, quay về với nội tâm, xây dựng thân thể khoẻ mạnh, tinh thần an lạc, mở được tuệ giác và đạt trạng thái Thiên Nhân hợp nhất. *Đạo giáo phù lục* chủ trương trì tụng kinh sách và chú ngữ, thực hành nghi lễ và phương thuật... để cầu đảo, trị bệnh, giải ách trừ tai, hoá giải các vấn đề gặp phải trong đời sống.

Đạo giáo thần tiên có thể có ảnh hưởng nhất định đến tầng lớp vua chúa, quý tộc, quan lại và trí thức ở Trung Bộ. Một số công trình ở kinh đô Phú Xuân mà tên gọi của nó cũng đã thể hiện ảnh hưởng này. Linh Hựu quán - một quán Đạo giáo có quy mô lớn được vua Minh Mạng lập ra tại kinh đô Huế năm 1829 [8, tr.866]. Tên các công trình điện Trùng Tiêu, gác Từ Vân, gác Tường Quan của Linh Hựu quán gọi lên ảnh hưởng của Đạo giáo thần tiên. Trong Hoàng Thành Huế còn có một số vườn ngự uyển mà cách thức đặt tên công trình cũng cho thấy dấu ấn Đạo giáo Thần Tiên. Hồ Tịnh Tâm - khu vườn ngự rộng lớn, là chốn bồng lai tiên cảnh giữa kinh thành để nhà vua

tìm sự yên tĩnh. Tên của ba hòn đảo nổi lên giữa mặt nước trong ngự uyển này là Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu vẫn còn hiện tồn gọi lên về một tiên cảnh của Đạo giáo. Tương tự, những tên gọi cung Trường Sanh, lạch Đào Nguyên, hồ Thái Dịch, điện Thái Hoà, cầu Trung Đạo... cũng thể hiện tư tưởng của *Đạo học* và *Tiên Đạo*. Đáng chú ý, một công trình khác cho thấy dấu ấn thực hành đạo giáo thần tiên của vua nhà Nguyễn hoặc giới hoàng tộc trong Tử Cấm Thành. Vườn thượng uyển Cơ Hạ có một cốc nhỏ mang tên Bảo Quang Cốc được xây dựng như là nơi tu luyện đạo sĩ với các động như Phước Duyên Động, Không Động và cửa như Sơn Huy Xuyên Mị, Phát Thiên Quang, Tử Thất Huệ Môn [4, tr.24]. Có thể nói, đối tượng tiếp nhận Đạo giáo ban đầu chủ yếu là tầng lớp quý tộc, quan lại. Tầng lớp này chủ yếu tiếp nhận hệ thống tư tưởng, kinh sách, giáo lý của Đạo giáo thần tiên.

Khác với xu hướng tiếp nhận của giới thượng lưu, tầng lớp bình dân lại có tiếp nhận rộng rãi và sâu sắc đối với Đạo giáo phù lục. Trường phái này tương đồng với tín ngưỡng dân gian bản địa nên thích hợp và dễ tiếp nhận đối với đại bộ phận dân gian người Việt. Hai giáo phái có ảnh hưởng rộng rãi trong dân gian vùng Trung Bộ Việt Nam là phái *Thiên sư đạo* (sau gọi là Chính Nhất đạo) và phái *Toàn Chân đạo*, trong đó phái Thiên sư đạo phổ biến hơn cả.

Phái *Thiên sư đạo* để lại dấu ấn rộng khắp trong đời sống tín ngưỡng ở các làng xã cũng như trong các Đạo quán hiện tồn ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Vị tổ sư Trương Đạo Lăng cùng với 3 vị Tam Thanh, Lão Tử là những vị thần được thờ ở hầu hết các đạo quán và điện thờ tư gia của giới *thầy pháp* ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Các vị đạo sĩ dân gian này xem Trương Đạo Lăng là *tổ sư*, lập bàn thờ tổ tại tư gia với danh xưng *Trương Thiên sư*. Hệ thống khoa nghi và sách hướng dẫn thực hành phù lục của phái Chính Nhất cũng được lưu hành phổ biến trong giới đạo sĩ dân gian và cả giới tu sĩ Phật giáo Trung Bộ. Một số khoa nghi mà chúng tôi tiếp cận được trong quá trình điền dã như: Giải Oan Bạt Độ Khoa Nghi (解冤拔科儀), Thiên Môn Tập Yếu Bạt Độ Nam Thương Khoa (禪門集要拔度南殤科), Vạn pháp quy tông (萬法歸宗), Chúc do khoa (祝由科), Linh Phù Toán Yếu Trùng Tang (靈符纂要重葬喪) .v.v. cho thấy *Thiên Sư đạo* thật sự là giáo phái ảnh hưởng sâu rộng, chi phối diện mạo của Đạo giáo vùng Trung Bộ.

Dù không ảnh hưởng rộng rãi như giáo phái *Thiên Sư đạo*, nhưng giáo phái *Toàn Chân đạo* cũng để lại một số dấu ấn ở một vài địa phương vùng Nam Trung Bộ, mà Hội An - Quảng Nam là nơi tiêu biểu. Những dấu tích hiện tồn có thấy phái Toàn Chân có thể được du nhập vào miền Trung theo chân cộng đồng người Hoa trong thời kỳ mạt Minh - sơ Thanh. Tín ngưỡng Trấn Vũ Đại Đế ở Lai Viễn Kiều (Hội An) là một cứ liệu cho thấy sự lan toả của giáo phái Toàn Chân từ Vũ Dương sơn xuống phía Nam thông qua đường Quảng Đông. Ngoài ra, dòng *Tiên Thiên Đạo* của phái Toàn Chân còn tôn thờ là Diêu Trì Vương Mẫu, tín ngưỡng Diêu Trì cũng xuất hiện trong cộng đồng

người Hoa, tín đồ Cao Đài hoặc tín đồ đạo Mẫu tại Nam Trung Bộ. Tiên Thiên Đạo về sau phát triển thành hai nhánh Tạng Hà Động và Cẩm Hà Động [19, tr.239], Tạng Hà Động (藏霞洞) phát triển ở phía Bắc, Cẩm Hà Động(錦霞洞) phát triển ở phái Nam, nhánh Cẩm Hà Động có thể đã có mặt ở Hội An vào thế kỷ XIX. Văn bia của Cẩm Hà Cung (chùa Bà Mụ) hiện dựng sau lưng Trùng Hán Cung ở Hội An cho biết đây *công trình sáng lập lúc mới qua phương Nam* (為南來創立之先而祖亭) của cộng đồng người Hoa ở Hội An. Cẩm Hà Cung thờ Khải Định thờ Bảo Sanh Đại Đế và phối thờ 36 vị thần khác, trong đó có Huyền Thiên Đại Đế, Thái Thượng Lão Quân, Khương Tử Nha,... Các dấu ấn nêu trên cho thấy đây là một quán Đạo giáo quan trọng thể hiện sự có mặt của phái Toàn Chân ở Trung Bộ. Khác với lịch sử du nhập sớm và ảnh hưởng rộng rãi của Chính Nhất đạo, sự có mặt của Toàn Chân đạo ở Trung Bộ có thể muộn hơn và có phạm vi ảnh hưởng chủ yếu trong cộng đồng Hoa kiều từ các vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến.

Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống lý luận, tư tưởng, phương thức thực hành như dưỡng sinh, luyện đan của Đạo giáo thần tiên dường như không ảnh hưởng trực tiếp và sâu đậm bằng các thực hành cầu cúng, lễ bái, phù thuật... của Đạo giáo phù lục. Điều này khiến cho trường phái Đạo giáo Phù lục có mặt và ảnh hưởng rộng khắp vùng Trung Bộ Việt Nam. Đây cũng chính là căn cứ để lý giải vì sao Đạo giáo Trung Hoa và tín ngưỡng dân gian Việt Nam có sự gắn kết mật thiết và bền chặt.

4. KẾT LUẬN

Dòng chảy của Đạo giáo Trung Hoa đã có những ảnh hưởng rộng khắp vượt ra khỏi tầm vóc của một tôn giáo nội địa thuở ban đầu. Bằng nhiều con đường lan toả khác nhau, Đạo giáo theo các dòng di cư và mậu dịch lan toả đến miền Trung Việt Nam. Trong quá trình lan toả Đạo giáo ở Trung Bộ, ngoài các hệ phái Đạo giáo chính tông còn có các yếu tố Đạo giáo đã được chắt lọc qua dung hợp Tam giáo ở Việt Nam và các yếu tố Đạo giáo hoà lẫn trong tín ngưỡng dân gian các vùng Mân, Đài và Lưỡng Quảng. Cả hai hệ phái Toàn Chân và Chính Nhất đều có mặt ở Trung Bộ với những biểu hiện đậm nhạt và sức ảnh hưởng khác nhau. Trong đó, dấu ấn và sức ảnh hưởng của Chính Nhất Đạo rộng khắp hơn cả. Sau khi được truyền bá, Đạo giáo bắt đầu được tín ngưỡng dân gian Trung Bộ Việt Nam tiếp nhận cả trên phương diện hệ thần linh lẫn phương diện thực hành. Sự tiếp nhận và hoà nhập Đạo giáo vào tín ngưỡng dân gian đã tái cấu trúc và mở rộng chức năng cho tín ngưỡng dân gian vùng Trung Bộ. Kết quả, tín ngưỡng dân gian trở thành một phần đại diện của Đạo giáo khi tôn giáo này suy tàn, không còn là một thực thể tôn giáo độc lập ở Việt Nam. Động thái gắn kết, cộng sinh giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian hiểu trong bối cảnh này vừa như là phương thức bảo tồn mạch nguồn Đạo giáo vừa là cách kiến tạo và hoàn thiện công năng xã hội của tín ngưỡng dân gian. Đạo giáo hoà mình vào tín ngưỡng dân gian để

tồn tại trong các giai đoạn lịch sử suy thoái. Ngược lại tín ngưỡng dân gian tiếp nhận Đạo giáo để bổ túc, hoàn chỉnh hoá công năng và gia tăng sức hút. Đặc điểm truyền bá, động thái tiếp biến và hoà nhập giữa Đạo giáo Trung Hoa với tín ngưỡng dân gian miền Trung Việt Nam là một đơn cử cho thấy sức ảnh hưởng, tính năng động, linh hoạt và mềm dẻo của các thực hành tôn giáo dân và của Đạo giáo khi được truyền bá ra hải ngoại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Dương Văn An (Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc hiệu đính, dịch chú) (2001). *Ô Châu Cận Lục*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. Léopold Cadière (2006). “Tôn giáo người Việt” trong Đỗ Trinh Huệ. *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadière*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Nguyễn Duy Hinh (2003). *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Thế Hùng (2002). *Quán Đạo giáo ở Hà Tây*, Luận án tiến sĩ Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- [5]. Onishi Kazuhiko (2011). “Bàn về tín ngưỡng Cửu Thiên Huyền Nữ ở Huế”, *Nghiên cứu và phát triển*, Số 2.
- [6]. Onishi Kazuhiko (2014). “Đạo giáo thời chúa Nguyễn qua nghiên cứu chùa Thiên Tôn”, *Xưa & Nay*, Số 448.
- [7]. Onishi Kazuhiko. “Bàn về chế độ quan lại Đạo giáo của thời Hậu Lê Việt Nam (thế kỷ XVIII), trong *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ hai*, Số 2, tr.133-142.
- [8]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục*. tập IV, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9]. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Phước Tương (2004). *Hội An di sản thế giới*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11]. Tạ Chí Đại Trường (2006). *Thần người và đất Việt*, Nxb Văn hoá Thông Tin
- [12]. Trần Đại Vinh, Trần Viết Ngạc (dịch và chú khảo), “Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư và Giáp Ngọ niên bình Nam đồ”, *Nghiên cứu và phát triển*, số 2 (109). 2104
- [13]. Viện sử học, “Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX”, *Phụ san tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 1994
- [14]. 王卡《越南访道研究报告》中国道教, 1998年, 第2-3期, 1998年 (Vương Khả, “Báo cáo nghiên cứu phương đạo Việt Nam”, *Đạo giáo Trung Quốc*, số 2-3, 1998.)
- [15]. 孙亦平,《东亚道教研究》, 人民出版社, 2014年.(Tôn Diệc Bình, *Nghiên cứu Đạo giáo Đông Á*, Nxb Nhân Dân, 2014)

- [16]. 宇汝松《北属时期道教南传越南研究》世界宗教研究, 第 2 期, 2015 年. (Vũ Như Tùng, “Nghiên cứu Đạo giáo Nam truyền Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc”, *Nghiên cứu tôn giáo thế giới*, số 2, 2015)
- [17]. Vu Hong Thuat, 《中越京族符咒文化比较研究》, 博士论文, 民族研究院, 云南大学, 2013 年. (Vũ Hồng Thuật, *Nghiên cứu so sánh văn hoá bùa chú dân tộc Kinh hai nước Việt-Trung*), Luận án tiến sĩ, Viện nghiên cứu Dân tộc- Đại học Văn Nam-Trung Quốc, 2013.)
- [18]. 黎澄, 《南翁梦录》, 北方文艺出版社, 2021 年. (Lê Trùng, *An Nam Mộng Lục*, Nxb Văn nghệ phương Bắc, 2021)
- [19]. 游子安: 《道脉南传: 20 世纪从岭南到越南先天道的传承与变迁》, 载金译、陈进国主编《宗教人类学》第 2 辑, 社会科学文献出版社, 2010 年. (Du Tử An, “Mạch Đạo Nam truyền: truyền thống và biến đổi của Tiên Thiên Đạo từ Lĩnh Nam đến Việt Nam thế kỷ XX” trong Trần Tiến Quốc (cb) Tái Kim (dịch), *Nhân học tôn giáo*, tập 2, Nxb Khoa học xã Hội Văn hiến, 2010)

THE PATH OF INTRODUCTION AND TAOIST SECTS IN CENTRAL VIETNAM

Nguyen Dang Huu

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: nguyendanghuu@gmail.com

ABSTRACT

The article studies the propagation path of Chinese Taoism in Central Vietnam. By qualitative analysis based on folk script and ethnographic field materials, this article points out that the presence of Taoist elements in central Vietnam is the result of the immigration process, trade exchange and the embracement of thought streams throughout the historical process of Vietnamese people. The vestiges of the two schools - Zheng Yi and Quan Zhen- in folk religion show the characteristics and spread of Taoism in Central Vietnam. The characteristics expressed in terms of ideology and spiritual system show that the Central region is the meeting place between the Taoist lines of the Vietnamese immigrant group from the North and the Taoist lines of the immigrant Chinese community. Mechanism of receiving Taoism in Central Vietnam stands out for its indirectness, which is the reception through the *Three Religion* tradition of the Vietnamese people and through the spread of folk religion in Guang Dong, Guang Zhou and Fujian regions.

Keywords: Central Vietnam, Taoism, Taoist sects, spread.



Nguyễn Đăng Hựu sinh năm 1983 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Nhân học tại Viện nghiên cứu Dân Tộc, Đại học Văn Nam, Trung Quốc. Hiện nay, ông công tác tại Đại học Duy Tân, và đang theo học nghiên cứu sinh chuyên ngành Dân tộc học tại khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Nhân học văn hoá, tín ngưỡng dân gian, ma thuật.

